

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao tài sản công cho các cơ quan, đơn vị thuộc xã Tân Dĩnh để quản lý, sử dụng theo quy định

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 115/TTr-STC ngày 23/3/2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao tài sản công cho các cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy, UBND xã Tân Dĩnh để quản lý, sử dụng theo quy định.

(Chi tiết tài sản giao cho các cơ quan, đơn vị theo Biểu đính kèm)

**Điều 2.** Các cơ quan, đơn vị được giao tài sản tại Điều 1 Quyết định này phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, thủ tục bàn giao, tiếp nhận tài sản; hạch toán kế toán; cập nhật biến động tài sản vào phần mềm quản lý tài sản công; hoàn thiện các thủ tục hành chính về đất đai, thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị và quản lý, sử dụng tài sản theo quy định hiện hành. Trường hợp khi tiếp nhận tài sản chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại, đơn vị tiếp nhận tài sản thực hiện xác định nguyên giá, giá trị còn lại để hạch toán vào giá trị tài sản của đơn vị theo quy định.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Đảng ủy - UBND xã Tân Dĩnh, Văn phòng Đảng ủy xã Tân Dĩnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Tân Dĩnh, Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Dĩnh, Phòng Văn hóa - Xã hội xã Tân Dĩnh và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.<sub>Hài</sub>

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Tân Phụng**

**DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC XÃ TÂN ĐỊNH**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Tên tài sản	Năm đưa vào sử dụng	ĐVT	Số lượng	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá (Đồng)	Giá trị còn lại đến thời điểm bàn giao (đồng)	Cơ quan, đơn vị bàn giao trước ngày 01/7/2025
<b>I</b>	<b>Văn phòng Đảng ủy xã Tân Định</b>						<b>8.321.278.000</b>	<b>8.101.168.000</b>	
1	Đất		m2	2.037,00			1.222.200.000	1.222.200.000	UBND xã Tân Định (cũ)
2	Trụ sở các cơ quan Đảng xã Tân Định (Nhà cấp IV, 2 tầng)	2025	m2		2.037,00	4.074,00	5.999.078.000	5.999.078.000	UBND xã Tân Định (cũ)
3	Xe ô tô Fortuner 7 chỗ BKS 98A-009.51, sản xuất năm 2021	2021	Chiếc	1,00			1.100.000.000	879.890.000	Văn phòng HĐND và UBND huyện
<b>II</b>	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã</b>						<b>11.087.333.000</b>	<b>9.934.335.000</b>	
<b>1</b>	<b>Đất</b>			<b>6.807,20</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.934.335.000</b>	<b>9.934.335.000</b>	
1.1	Đất		m2	6.552,70			6.880.335.000	6.880.335.000	UBND xã Thái Đào
1.2	Đất		m2	254,50			3.054.000.000	3.054.000.000	UBND xã Thái Đào
<b>2</b>	<b>Nhà</b>			<b>-</b>	<b>423,20</b>	<b>627,80</b>	<b>1.152.998.000</b>	<b>-</b>	
2.1	Nhà làm việc (Nhà cấp IV, 2 tầng)	2014	m2		204,60	409,20	754.623.000		UBND xã Thái Đào
2.2	Nhà hội trường UBMT TQ xã (Nhà cấp IV, 1 tầng)	2014	m2		218,60	218,60	398.375.000		UBND xã Thái Đào
<b>III</b>	<b>Văn phòng HĐND và UBND xã</b>						<b>126.329.277.149</b>	<b>119.577.838.199</b>	
<b>1</b>	<b>Đất</b>			<b>31.035,90</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>106.644.780.000</b>	<b>106.644.780.000</b>	
1.1	Đất		m2	3.687,20			4.087.155.000	4.087.155.000	UBND xã Tân Định (cũ)
1.2	Đất		m3	27.348,70			102.557.625.000	102.557.625.000	UBND xã Thái Đào
<b>2</b>	<b>Nhà trụ sở</b>			<b>-</b>	<b>2.546,65</b>	<b>3.367,55</b>	<b>19.684.497.149</b>	<b>12.933.058.199</b>	
2.1	Nhà hội trường lớn (Nhà cấp IV, 1 tầng)	1997	m2		770,00	770,00	2.421.354.149	-	UBND xã Tân Định (cũ)
2.2	Nhà trụ sở làm việc (Nhà cấp IV, 3 tầng)	2019	m2		391,25	1.173,75	8.649.209.000	5.764.697.799	UBND xã Tân Định (cũ)
2.3	Cổng tường rào, sân UBND xã	2020	m2		1.347,00	1.347,00	3.613.934.000	2.168.360.400	UBND xã Tân Định (cũ)

2.4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự (Nhà cấp IV, 2 tầng)	2023	m2		38,40	76,80	5.000.000.000	5.000.000.000	UBND xã Thái Đào
<b>IV</b>	<b>Phòng Văn hóa - Xã Hội</b>			-	-	-	<b>67.983.058.000</b>	<b>57.260.690.957</b>	
<b>1</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Cầu Chính</b>						<b>1.287.150.000</b>	<b>926.970.000</b>	
	Đất		m2	996,20			747.150.000	747.150.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2015	m2		296,00	296,00	540.000.000	179.820.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>2</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Tân Văn 1</b>						<b>995.700.000</b>	<b>695.700.000</b>	
	Đất		m2	927,60			695.700.000	695.700.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2008	m2		280,00	280,00	300.000.000	-	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>3</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Tân Văn 2</b>						<b>559.450.000</b>	<b>279.450.000</b>	
	Đất		m2	372,60			279.450.000	279.450.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2010	m2		180,00	180,00	280.000.000	-	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>4</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Liên Sơn</b>						<b>1.357.850.000</b>	<b>1.197.770.000</b>	
	Đất		m2	1.411,80			1.057.850.000	1.057.850.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2017	m2		285,00	285,00	300.000.000	139.920.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>5</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Đình Xuyên</b>						<b>847.150.000</b>	<b>361.574.000</b>	
	Đất		m2	436,20			327.150.000	327.150.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2011	m2		180,00	180,00	520.000.000	34.424.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>6</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Vinh Sơn</b>						<b>904.425.000</b>	<b>604.425.000</b>	
	Đất		m2	805,90			604.425.000	604.425.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2010	m2		200,00	200,00	300.000.000	-	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>7</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Đình Tân</b>						<b>1.638.000.000</b>	<b>1.488.000.000</b>	
	Đất		m2	1.984,00			1.488.000.000	1.488.000.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2007	m2		210,00	210,00	150.000.000	-	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>8</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Tân Mới</b>						<b>804.750.000</b>	<b>518.607.000</b>	
	Đất		m2	553,00			414.750.000	414.750.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2014	m2		144,00	144,00	390.000.000	103.857.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>9</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Tân Văn 3</b>						<b>1.135.000.000</b>	<b>555.000.000</b>	
	Đất		m2	740,00			555.000.000	555.000.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2010	m2		295,00	295,00	580.000.000	-	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>10</b>	<b>Nhà văn hóa thôn Đình Cầu</b>						<b>1.670.000.000</b>	<b>1.533.932.000</b>	
	Đất		m2	2.000,00			1.500.000.000	1.500.000.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2013	m2		250,00	250,00	170.000.000	33.932.000	UBND xã Tân Đình (cũ)

<b>11</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Đình Lục 1</i></b>						<b>2.434.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>	
	Đất		m2	4.400,00			2.200.000.000	2.200.000.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2010	m2		156,00	156,00	234.000.000	-	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>12</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Tân Sơn 1</i></b>						<b>2.765.000.000</b>	<b>2.084.660.000</b>	
	Đất		m2	1.532,00			1.915.000.000	1.915.000.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2013	m2		250,00	250,00	850.000.000	169.660.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>13</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Tân Sơn 2</i></b>						<b>3.530.250.000</b>	<b>2.828.099.100</b>	
	Đất		m2	2.058,60			2.573.250.000	2.573.250.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2014	m2		180,00	180,00	957.000.000	254.849.100	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>14</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Tân Sơn 3</i></b>						<b>1.478.250.000</b>	<b>1.255.938.900</b>	
	Đất		m2	1.567,00			1.175.250.000	1.175.250.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2014	m2		262,00	262,00	303.000.000	80.688.900	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>15</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Tân Sơn 4</i></b>						<b>1.606.971.000</b>	<b>969.075.411</b>	
	Đất		m2	1.080,00			810.000.000	810.000.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2013	m2		198,00	198,00	796.971.000	159.075.411	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>16</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Đình Lục 2</i></b>						<b>640.000.000</b>	<b>440.000.000</b>	
	Đất		m2	880,00			440.000.000	440.000.000	UBND xã Tân Đình (cũ)
	Nhà	2005	m2		135,00	135,00	200.000.000	-	UBND xã Tân Đình (cũ)
<b>17</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Hậu</i></b>						<b>3.151.030.000</b>	<b>2.666.865.372</b>	
	Đất		m2	1.138,60			1.336.320.000	1.336.320.000	UBND xã Đại Lâm
	Nhà	2022	m2		330,79	330,79	1.814.710.000	1.330.545.372	UBND xã Đại Lâm
<b>18</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Tiên</i></b>						<b>1.646.750.000</b>	<b>1.613.400.000</b>	
	Đất		m2	917,40			1.146.750.000	1.146.750.000	UBND xã Đại Lâm
	Nhà	2024	m2		115,00	115,00	500.000.000	466.650.000	UBND xã Đại Lâm
<b>19</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Biếc</i></b>						<b>3.800.240.000</b>	<b>3.766.890.000</b>	
	Đất		m2	3.062,70			3.675.240.000	3.675.240.000	UBND xã Đại Lâm
	Nhà	2022	m2		100,00	100,00	125.000.000	91.650.000	UBND xã Đại Lâm
<b>20</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Trạng</i></b>						<b>2.931.037.000</b>	<b>2.618.171.712</b>	
	Đất		m2	488,10			585.720.000	585.720.000	UBND xã Đại Lâm
	Nhà	2024	m2		331,00	331,00	2.345.317.000	2.032.451.712	UBND xã Đại Lâm
<b>21</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Lãi</i></b>						<b>1.820.337.000</b>	<b>1.622.018.890</b>	
	Đất		m2	1.021,40			1.225.680.000	1.225.680.000	UBND xã Đại Lâm
	Nhà	2021	m2		115,00	115,00	594.657.000	396.338.890	UBND xã Đại Lâm

<b>22</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Dũ</i></b>						<b>2.480.960.000</b>	<b>2.447.610.000</b>	
	Đất		m2	1.963,30			2.355.960.000	2.355.960.000	UBND xã Đại Lâm
	Nhà	2022	m2		113,00	113,00	125.000.000	91.650.000	UBND xã Đại Lâm
<b>23</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Dầu</i></b>						<b>2.114.960.000</b>	<b>1.817.221.872</b>	
	Đất		m2	832,50			999.000.000	999.000.000	UBND xã Đại Lâm
	Nhà	2022	m2		123,00	123,00	1.115.960.000	818.221.872	UBND xã Đại Lâm
<b>24</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Đại Giáp</i></b>						<b>1.557.277.000</b>	<b>1.528.471.450</b>	
	Đất		m2	1.137,70			1.365.240.000	1.365.240.000	UBND xã Đại Lâm
	Nhà	2023	m2		100,00	100,00	192.037.000	163.231.450	UBND xã Đại Lâm
<b>25</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Chùa</i></b>						<b>1.433.660.000</b>	<b>1.200.210.000</b>	
	Đất		m2	889,20			933.660.000	933.660.000	UBND xã Thái Đào
	Nhà	2019	m2		165,00	165,00	500.000.000	266.550.000	UBND xã Thái Đào
<b>26</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Mỹ</i></b>						<b>551.856.000</b>	<b>486.990.984</b>	
	Đất		m2	417,10			412.929.000	412.929.000	UBND xã Thái Đào
	Nhà	2019	m2		184,50	184,50	138.927.000	74.061.984	UBND xã Thái Đào
<b>27</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Ghép</i></b>						<b>2.484.336.000</b>	<b>2.344.266.000</b>	
	Đất		m2	2.206,40			2.184.336.000	2.184.336.000	UBND xã Thái Đào
	Nhà	2019	m2		120,00	120,00	300.000.000	159.930.000	UBND xã Thái Đào
<b>28</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Cống</i></b>						<b>1.746.884.000</b>	<b>1.688.855.000</b>	
	Đất		m2	1.471,60			1.456.884.000	1.456.884.000	UBND xã Thái Đào
	Nhà	2023	m2		108,00	108,00	290.000.000	231.971.000	UBND xã Thái Đào
<b>29</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Thái An</i></b>						<b>1.317.585.000</b>	<b>1.194.323.400</b>	
	Đất (Khu Thái An cũ)		m2	351,60			210.960.000	210.960.000	UBND xã Thái Đào
	Đất (Khu Thái Đào cũ)		m2	802,50			842.625.000	842.625.000	UBND xã Thái Đào
	Nhà	2019	m2		170,00	170,00	264.000.000	140.738.400	UBND xã Thái Đào
<b>30</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Tân Đông</i></b>						<b>586.920.000</b>	<b>487.470.300</b>	
	Đất		m2	623,20			373.920.000	373.920.000	UBND xã Thái Đào
	Nhà	2019	m2		140,00	140,00	213.000.000	113.550.300	UBND xã Thái Đào
<b>31</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Thiếp Trì</i></b>						<b>1.851.568.000</b>	<b>1.555.553.400</b>	
	Đất		m2	147,90			141.984.000	141.984.000	UBND xã Thái Đào
	Đất		m2	1.120,40			1.075.584.000	1.075.584.000	UBND xã Thái Đào
	Nhà	2019	m2		250,00	250,00	634.000.000	337.985.400	UBND xã Thái Đào
<b>32</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Then</i></b>						<b>2.406.880.000</b>	<b>1.519.770.000</b>	
	Đất		m2	512,00			506.880.000	506.880.000	UBND xã Thái Đào
	Nhà	2019	m2		388,80	388,80	1.900.000.000	1.012.890.000	UBND xã Thái Đào

<b>33</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Đồ</i></b>						<b>2.077.101.000</b>	<b>1.828.708.266</b>		
	Đất		m2	1.326,60			835.758.000	835.758.000	UBND xã Thái Đào	
	Nhà	2023	m2		1.153,00	1.153,00	1.241.343.000	992.950.266	UBND xã Thái Đào	
<b>34</b>	<b><i>Nhà văn hóa thôn Tân Lập</i></b>						<b>3.566.752.000</b>	<b>3.401.336.000</b>		
	Đất		m2	2.423,70			2.326.752.000	2.326.752.000	UBND xã Thái Đào	
	Nhà	2023	m2		300,00	300,00	1.240.000.000	1.074.584.000	UBND xã Thái Đào	
<b>35</b>	<b><i>Đất nhà văn hóa thôn Vạc</i></b>						<b>1.177.055.000</b>	<b>803.535.000</b>		
	Đất		m2	359,10			377.055.000	377.055.000	UBND xã Thái Đào	
	Nhà	2019	m2		170,00	170,00	800.000.000	426.480.000	UBND xã Thái Đào	
<b>36</b>	<b><i>Đất nhà văn hóa thôn Mầu</i></b>						<b>2.779.632.000</b>	<b>2.401.443.000</b>		
	Đất		m2	3.126,40			1.969.632.000	1.969.632.000	UBND xã Thái Đào	
	Nhà	2019	m2		220,00	220,00	810.000.000	431.811.000	UBND xã Thái Đào	
<b>37</b>	<b><i>Đất nhà văn hóa thôn Gồm</i></b>						<b>999.256.000</b>	<b>906.342.900</b>		
	Đất		m2	833,60			800.256.000	800.256.000	UBND xã Thái Đào	
	Nhà	2019	m2		135,00	135,00	199.000.000	106.086.900	UBND xã Thái Đào	
<b>38</b>	<b><i>Đất nhà văn hóa thôn Giạ</i></b>						<b>1.847.036.000</b>	<b>1.422.036.000</b>		
	Đất		m2	1.436,40			1.422.036.000	1.422.036.000	UBND xã Thái Đào	
	Nhà	2009	m2		220,00	220,00	425.000.000		UBND xã Thái Đào	
<b>TỔNG CỘNG (=I+II+III+IV+V)</b>								<b>213.720.946.149</b>	<b>194.874.032.156</b>	